

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94085: ĐÁNH GIÁ ĐẤT (LAND EVALUATION)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: **3 (Lý thuyết: 2 - Thực hành 01 - Tự học: 6)**
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Làm bài thực hành trên lớp: 23 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Khoa học đất và Dinh dưỡng cây trồng
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Kiến thức chuyên môn	
CDR2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý Tài nguyên Môi trường.	2.3. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong phát triển bền vững kinh tế và xã hội theo các nguyên tắc phát triển bền vững.
CDR3: Phân tích công tác quản lý tài nguyên và môi trường để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.2. Phân tích công tác quản lý, bảo vệ môi trường phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
CDR4: Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ nguồn Tài nguyên thiên nhiên và môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.2. Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng chuyên môn	

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
CĐR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý tài nguyên và môi trường.	6.2. Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hành chính trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
CĐR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- **Về kiến thức:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp đánh giá đất, đặc biệt là phương pháp đánh giá đất theo FAO. Ứng dụng đánh giá đất theo FAO trong sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên đất đai.
- **Về kỹ năng:** Học phần rèn luyện cho người học các kỹ năng điều tra các loại sử dụng đất, xây dựng bản đồ đơn vị đất đai và phân hạng thích hợp đất đai, từ đó có cơ sở khoa học ứng dụng vào thực tiễn và trong công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng tài nguyên đất bền vững.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Học phần hình thành cho người học thái độ, năng lực tự chủ, làm việc độc lập và đưa ra các kết luận chuyên môn trong công việc.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		2.3	3.2	4.2	6.2	7.2	8.1
TM94085	Đánh giá đất	P	P	P	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong phát triển bền vững kinh tế và xã hội theo các nguyên tắc phát triển bền vững.	2.3. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong phát triển bền vững kinh tế và xã hội theo các nguyên tắc phát triển bền vững.
K2	Phân tích công tác quản lý, bảo vệ môi trường phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.2. Phân tích công tác quản lý, bảo vệ môi trường phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

K3	Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.2. Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng		
K4	Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hành chính trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.	6.2. Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hành chính trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
K5	Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94085 - Đánh giá đất (Land evaluation): (03: 02 - 01 - 06).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm các chương: Giới thiệu chung về môn học; Đơn vị bản đồ đất đai (LMU); Xác định các loại sử dụng đất đai (LUT); Phân hạng thích hợp đất đai; Đánh giá đất theo FAO ở Việt Nam.

Bài thực hành: Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai ở phạm vi chi tiết.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng.
- Hướng dẫn làm bài thực hành.
- Làm bài kiểm tra.
- Hệ thống E-learning.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài học (giáo trình, bài giảng, các tài liệu chuyên ngành). Sinh viên chủ động thu nhận thông tin để hiểu và nắm vững các nội dung bài học.
- Sinh viên tham gia nghe giảng, làm bài thực hành, làm bài kiểm tra, trao đổi với giảng viên theo yêu cầu của nội dung bài học.
- Sinh viên học trực tuyến.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tối thiểu 75% số tiết lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải chuẩn bị bài theo theo kế hoạch học tập của học phần mà giảng viên đã thống nhất; đọc nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp các buổi học kế tiếp.
- Bài thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành bài thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên không làm bài thực hành sẽ không được thi kết thúc học phần và nhận điểm 0 toàn học phần.
- Thi giữa kì: 01 bài.

- Thi cuối kì: Tất cả các sinh viên đủ điều kiện dự thi phải thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định, thời gian làm bài 60 phút, kiểu bài thi tự luận (hình thức đào tạo trực tiếp) và trắc nghiệm online (hình thức đào tạo trực tuyến).

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Tham dự lớp	K1, K2, K3	10	1-10
Đánh giá Bài thực hành	K1, K2, K3, K4, K5, K6	20	2-6
Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ	K1, K2, K3	10	5-10
Đánh giá cuối kì	K1, K2, K3	60	Theo kế hoạch của Ban Quản lý đào tạo

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Xác định các đơn vị bản đồ đất đai, xây dựng bản đồ đơn vị đất đai.
K1	Chỉ báo 2: Xác định các mức độ chi tiết và tỷ lệ bản đồ trong điều tra, đánh giá đất đai.
K2	Chỉ báo 3: Xác định các yêu cầu sử dụng đất đai và lựa chọn các yêu cầu sử dụng đất của các LUT.
K2	Chỉ báo 4: Lựa chọn các loại sử dụng đất trong đánh giá đất theo FAO.
K2	Chỉ báo 5: Xác định và đề xuất các loại sử dụng đất bền vững theo đánh giá đất của FAO.
K2	Chỉ báo 6: Phân tích, mô tả các loại sử dụng đất.
K3	Chỉ báo 7: Phân hạng thích hợp đất đai phục vụ đánh giá đất theo FAO.
K3	Chỉ báo 8: Đề xuất sử dụng đất bền vững theo phương pháp đánh giá đất của FAO.
K3	Chỉ báo 9: Đánh giá khái quát về áp dụng phương pháp đánh giá đất theo FAO ở Việt Nam.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài	Khá chú ý, có tham gia phát biểu ý kiến	Có chú ý, ít tham gia phát biểu ý kiến; có biểu hiện làm việc riêng trong giờ học	Không chú ý/không tham gia xây dựng bài; làm việc riêng, nói chuyện trong giờ học

Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	50	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39% câu hỏi trên lớp
-----------------------------------	----	---------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------

Rubric 2: Đánh giá bài thực hành

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Phương pháp giải	25	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	25	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tùy mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)
Kết quả	25	Kết quả đúng. Làm đúng 100% kiến thức theo hướng dẫn	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng. Làm đúng 75% kiến thức theo hướng dẫn	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều. Làm đúng 50% kiến thức theo hướng dẫn (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp. Làm sai hoàn toàn so với hướng dẫn (0đ)
Trình bày	25	Cẩn thận, rõ ràng. Trình bày sạch sẽ, đầy đủ thông tin về sinh viên trên bài thực hành. Đúng format và đúng hạn	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng. Trình bày sạch sẽ, thiếu một số thông tin về sinh viên trên bài thực hành. Làm đúng format nhưng trình bày có tẩy xóa	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng. Trình bày còn tẩy xóa, thiếu thông tin quan trọng về sinh viên trên bài thực hành. Không làm đúng format, tẩy xóa nhiều	Cẩu thả và chưa rõ ràng. Trình bày cầu thả, tẩy xóa nhiều, không ghi thông tin sinh viên và thông tin bài thực hành. Nộp bài không đúng hạn và không đúng format (0đ)

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Thái độ tham dự:* Các sinh viên bị nhắc nhở do mất trật tự, ảnh hưởng đến GV và các sinh viên khác, sử dụng điện thoại trong giờ học,... lần đầu trừ 2 điểm, lần 2 sẽ bị điểm 0.
- *Thời gian tham dự:* Điểm chuyên cần được trừ theo theo số buổi nghỉ học không lý do: Vắng mỗi buổi học trừ 2 điểm chuyên cần. Nếu nghỉ có lý do theo quy định, sinh viên được nghỉ học không quá số tiết quy định và không bị trừ điểm chuyên cần.
- *Các trường hợp không được dự thi học phần và nhận điểm 0 tổng kết học phần:* (1) sinh viên không tham dự đủ số buổi lên lớn lý thuyết theo quy định; (2) sinh viên không nộp bài thực hành; (3) sinh viên bị nhắc nhở nhiều lần do thiếu ý thức học tập.
- *Nộp bài thực hành muộn:* Tất cả các trường hợp nộp bài thực hành muộn đều bị trừ 2 điểm mỗi ngày, quá 3 ngày sẽ bị điểm 0.
- *Tham dự các bài thi:* Sinh viên không tham gia bài thi cuối kì sẽ bị nhận điểm 0.
- *Yêu cầu về đạo đức:* Có thái độ học tập nghiêm túc, tôn trọng giảng viên; các trường hợp quay cốp bài thực hành sẽ bị điểm 0, quay cốp bài kiểm tra và bài thi sẽ bị mức kỷ luật và nhận điểm 0.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

Đào Châu Thu, Nguyễn Khang (1998). Giáo trình Đánh giá đất. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

- Luyện Hữu Cử và cs., (2020). Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Tạp chí Khoa học đất số 60/2020.
- E.J. Dominati, A.D. Mackay, J.M. Rendel and P.N. Smale (2016). Looking to the future of land evaluation and farm planning. Journal of New Zealand Grasslands 78: 67-72
- Hội Khoa học đất Việt Nam (2015). Sổ tay điều tra, phân loại, lập bản đồ đất và đánh giá đất đai
- TCVN 8409:2012. Quy trình đánh giá đất sản xuất nông nghiệp
- Bộ NN&PTNT (2009). Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp. Tập 2. Phân hạng đánh giá đất đai
- Các báo cáo đánh giá đất ở thư viện Học viện và Khoa
- Các sách chuyên khảo ngành Khoa học đất
- Các bài báo trong các tạp chí chuyên ngành.
- Kết quả của Đề tài NCKH cấp Bộ 2017-2020: Nghiên cứu sử dụng đất hợp lý ứng phó với biến đổi khí hậu vùng Duyên hải Nam Trung bộ

* Tài liệu tham khảo trực tuyến

- https://www.researchgate.net/publication/236646436_Concepts_on_land_evaluation
- <https://ec.europa.eu/jrc/en/publication/eur-scientific-and-technical-research-reports/review-land-evaluation-methods-quantifying-natural-constraints-agriculture>
- <http://www.fao.org/3/x5310e/x5310e05.htm>
https://teams.microsoft.com/l/file/86C62F2D-C1B8-41EE-A6C0-58958E098CA4?tenantId=845115e7-a9cb-4adc-b6d3-15a11d352962&fileType=ppt&objectUrl=https%3A%2F%2Fvnuaeduvn.sharepoint.com%2Fsites%2Fnhgit_TM04025_2%2FClass%20Materials%2FBai%20giang%20chuong%202-sua%20font.ppt&baseurl=https%3A%2F%2Fvnuaeduvn.sharepoint.com%2Fsites%2Fnhgit_TM04025_2&serviceName=teams&threadId=19:4a8ac0981b8f4c4983ac33617815a628@thread.tacv2&groupId=5e7d0cf4-e36b-434d-b2f3-5b9d15e6468c

https://teams.microsoft.com/l/file/757F0579-C5D9-40D4-BE69-3D12A4FAA535?tenantId=845115e7-a9cb-4adc-b6d3-15a11d352962&fileType=ppt&objectUrl=https%3A%2F%2Fvnuaeduvn.sharepoint.com%2Fsites%2Fnhgit_TM04025_2%2FCClass%20Materials%2FBai%20giang%20chuong%203.ppt&baseUrl=https%3A%2F%2Fvnuaeduvn.sharepoint.com%2Fsites%2Fnhgit_TM04025_2&serviceName=teams&threadId=19:4a8ac0981b8f4c4983ac33617815a628@thread.tacv2&groupId=5e7d0cf4-e36b-434d-b2f3-5b9d15e6468c

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Giới thiệu chung	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: 1.1 . Giới thiệu về học phần 1.1.1. Cấu trúc học phần 1.1.2. Mối liên quan của học phần "Đánh giá đất" với các học phần khác 1.1.3. Mục đích, yêu cầu của học phần 1.2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu về đánh giá đất 1.2.1. Trên Thế giới 1.2.2. Tại Việt Nam 1.3. Khái quát phương pháp đánh giá đất theo FAO 1.3.1. Hướng dẫn của FAO về đánh giá đất 1.3.2. Các khái niệm về đánh giá đất, sử dụng đất và hệ thống sử dụng đất trong đánh giá đất theo FAO. 1.3.3. Khái quát quy trình đánh giá đất 1.3.4. Những nguyên tắc của đánh giá đất đai 1.3.5. Mức độ chi tiết và tỷ lệ bản đồ trong điều tra đánh giá đất đai 1.3.6. Các phương pháp thực hiện quy trình đánh giá đất	K1, K4, K8
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Sinh viên đọc trước nội dung Chương 1	K1, K4, K8
2,3,4,5,6	Chương 2: Đơn vị bản đồ đất đai	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (23 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (8 tiết) 2.1. Khái niệm về đơn vị bản đồ đất đai (LMU) 2.2. Xác định các đơn vị bản đồ đất đai 2.2.1. Thông tin dữ liệu về vùng sinh thái nông nghiệp và tài nguyên đất 2.2.2. Xác định các đơn vị bản đồ đất đai 2.2.3. Các đặc tính đất đai và tính chất đất đai của LMU 2.3. Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai 2.3.1. Xác định chỉ tiêu phân cấp bản đồ đơn vị đất đai 2.3.2. Xây dựng các bản đồ chuyên đề 2.3.3. Các phương pháp chồng ghép xây dựng bản đồ đơn vị đất đai Mô tả các LMU của bản đồ đơn vị đất đai. Nội dung giảng dạy bài thực hành: (15 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6

	Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai chi tiết ở cấp xã	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (69 tiết) Các nội dung chính của bài giảng, bài thực hành.	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	Chương 3: Xác định các loại sử dụng đất đai	
7,8	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết) 3.1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất 3.2. Lựa chọn các loại sử dụng đất (LUT) 3.2.1. Các mục tiêu và phạm vi nghiên cứu đánh giá đất 3.2.2. Các nhu cầu về phát triển và thay đổi sử dụng đất 3.2.3. Lựa chọn các LUT từ các loại sử dụng đất có triển vọng 3.2.4. Lựa chọn các LUT bằng quá trình chất lọc 3.3. Mô tả các loại sử dụng đất 3.3.1. Khái quát 3.3.2. Mô tả các thuộc tính của LUT 3.3.3. Thí dụ minh hoạ về phân tích lựa chọn và mô tả các LUT 3.4. Khái quát về yêu cầu sử dụng đất đai 3.5. Yêu cầu và giới hạn xác định yêu cầu sử dụng đất 3.5.1. Yêu cầu về sinh trưởng 3.5.2. Các yêu cầu về quản lý sản xuất 3.5.3. Các yêu cầu về bảo vệ tính bền vững của LUT 3.6. Lựa chọn các yêu cầu sử dụng đất 3.6.1. Các ảnh hưởng của điều kiện đất đai đến LUT 3.6.2. Các điều kiện chuẩn hoá về đất 3.6.3. Thu nhận nguồn thông tin thực tế 3.6.4. Các thí dụ về yêu cầu sử dụng đất đai cho các LUT	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết) Các nội dung chính của bài giảng	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	Chương 4: Phân hạng thích hợp đất đai	
9	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết) 4.1. Đối chiếu, so sánh các đặc tính và yêu cầu sử dụng đất đai cho các loại hình sử dụng đất 4.2. Xếp hạng các yếu tố chẩn đoán - các yêu cầu sử dụng đất 4.2.1. Khái quát 4.2.2. Cấu trúc xếp hạng các yếu tố chẩn đoán cho các LUT khác 4.3. Phân hạng thích hợp đất đai 4.3.1. Các phương pháp phân hạng 4.3.2. Cấu trúc phân hạng thích hợp đất đai theo FAO 4.3.3. Đối tượng và phạm vi phân hạng thích hợp 4.3.4. Nội dung và phương pháp phân hạng 4.3.5. Các thể loại của phân hạng thích hợp 4.3.6. Phân tích kinh tế/xã hội trong phân hạng thích hợp 4.3.7. Đánh giá tác động môi trường trong phân hạng thích hợp 4.3.8. Phân hạng thích hợp đất đai hiện tại và tương lai	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết) Các nội dung chính của bài giảng	K1, K2, K3, K4, K5, K6
10	Chương 5: Đánh giá đất theo FAO ở Việt Nam	

	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Nội dung công tác đánh giá đất ở Việt Nam 5.2. Quy trình đánh giá đất cấp toàn quốc 5.3. Đề xuất sử dụng đất thích hợp cho quy hoạch sử dụng đất	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Các nội dung chính của bài giảng	K1, K2, K3, K4, K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Thoáng mát vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông, đủ ánh sáng, hạn chế tiếng ồn bên ngoài.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng phấn đầy đủ, projector hoạt động tốt (rõ nét), hệ thống loa và micro hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: Mạng internet (mạng dây và wifi) hoạt động tốt.
- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày... ..tháng... ..năm 2024

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thu Hà

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Luyện Hữu Cử

KT. TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Quốc Vinh

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Luyện Hữu Cử	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Khoa học đất, Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0936362628
Email: luyenhuucvu@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/en/hkd.html
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Cao Việt Hà	Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Khoa học đất, Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0982170098
Email: cvha@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/en/hkd.html
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, gặp trực tiếp	

CÁC LẦN CẢI TIẾN

(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học viện)

Lần 1- (Tháng 7/2024): Cải tiến chương trình đào tạo. Chính sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.